

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 16/2020/DS-ST

Ngày: 02/7/2020

V/v “tranh chấp hợp

đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chí Cường;**

Bà Phạm Thị Thế Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXX-ST ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp V, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1954; địa chỉ: Khu 2, thị trấn H, huyện T, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2019) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Anh Trần Thanh L sinh năm 1989 (có mặt);

2.2 Chị Thái Thị Kim T, sinh năm 1993. Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Ngày 13/4/2018, anh Trần Văn M có cho vợ chồng anh Trần Thanh L và chị Thái Thị Kim T vay số tiền 160.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 03% trên tháng,

thời hạn vay một tháng (tức là đến ngày 13/5/2020) anh L, chị T phải trả đủ vốn lãi cho anh M nhưng đến hạn trả anh L chị T không trả.

Yêu cầu Tòa giải quyết:

Buộc anh Trần Thanh L và chị Thái Thị Kim T phải liên đới trả cho anh Trần Văn M số tiền vốn vay là 160.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/4/2018 đến ngày 24/12/2019 làm tròn 20 tháng, với mức lãi suất 1.5% trên tháng thành tiền 48.000.000 đồng, tổng cộng 208.000.000 đồng, yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Trần Thanh L trình bày:

Tôi thừa nhận, tôi và vợ tôi là chị Thái Thị Kim T có ký vay của anh M 160.000.000 đồng như bà N trình bày. Nay anh M yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền vốn vay 160.000.000 đồng và 48.000.000 đồng tiền lãi, tôi không có khả năng, tôi xin trả vốn, không trả lãi, trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/8/2020 cho đến khi đủ 160.000.000 đồng.

Bị đơn chị Thái Thị Kim T trình bày: Thống nhất theo ý kiến của chồng tôi là anh Trần Thanh L.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Trần Văn M yêu cầu anh Trần Thanh L và chị Thái Thị Kim T phải liên đới trả cho anh số tiền vốn vay là 160.000.000 đồng và lãi 48.000.000 đồng, tổng cộng 208.000.000 đồng yêu cầu trả số tiền trên làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Xét bị đơn anh Trần Thanh L và chị Thái Thị Kim T có đăng ký hộ khẩu tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về tố tụng: Chị Thái Thị Kim T là bị đơn không có yêu cầu phản tố có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T.

[4] Xét nội dung yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Văn M:

[4.1] Đối với số tiền vay: Xét thấy giữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà N và anh L, chị T đã thống nhất nội dung: “Anh L và chị T có vay của anh M 160.000.000 đồng, đã quá thời hạn trả nợ nhưng anh L, chị T chưa trả được cho anh M”. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh L chị T hiện tại còn nợ anh M 160.000.000 đồng tiền vay là có

thật. Anh L chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh M yêu cầu anh L và chị T liên đới trả 160.000.000 đồng tiền vốn vay là có căn cứ.

[4.2] Đối với số tiền lãi: Anh M yêu cầu anh L và chị T liên đới trả 20 tháng tiền lãi, mức lãi 1.5% trên tháng. Xét thấy giữa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà N và anh L chị T đã xác nhận hợp đồng vay tiền giữa anh M và anh L chị T có thỏa thuận lãi và lãi suất là 03% trên tháng, mức lãi suất này đã vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 lãi suất cho vay “*..không được vượt quá 20% trên năm (tương đương 1.66% trên tháng) của khoản tiền vay..*”. Anh M chỉ yêu cầu tính lãi mức 1.5% trên tháng là nằm trong sự cho phép của pháp luật. Thời hạn tính lãi làm tròn 20 tháng là có cơ sở vì tính từ ngày 13/4/2018 (ngày vay) đến ngày 24/12/2019 (ngày anh M khởi kiện) là 20 tháng 11 ngày nhưng anh M chỉ yêu cầu tính tròn 20 tháng là có lợi cho anh L và chị T (vốn 160.000.000đ x lãi suất 1.5% x 20 tháng = 48.000.000 đồng).

[4.3] Anh L và chị T không đồng ý trả lãi, xin trả vốn 160.000.000 đồng bằng hình thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 01/8/2020 cho đến khi xong 160.000.000 đồng. Xét anh L và chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, việc xin trả dần kéo dài thời gian làm thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của anh M và yêu cầu này của anh L chị T không được anh M đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Từ cơ sở nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh M là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Anh L và chị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5.2] Anh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho anh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn M đối với anh Trần Thanh L và chị Thái Thị Kim T.

1.1 Buộc anh Trần Thanh L và chị Thái Thị Kim T phải liên đới trả cho anh Trần Văn M số tiền vay là 160.000.000 đồng và lãi 48.000.000 đồng, tổng cộng là 208.000.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu đồng), trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Kể từ ngày anh M có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh L và chị T không liên đới trả số tiền nêu trên thì anh chị còn phải liên đới trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Anh Trần Thanh L và chị Thái Thị Kim T phải liên đới chịu 10.400.000 đồng (Mười triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Anh Trần Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho anh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.200.000 đồng (Năm triệu, hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 20209 ngày 02/01/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

3. Về kháng cáo:

3.1 Anh M, anh L, bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

3.2 Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- CC.THADS huyện T;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Hữu Tính